TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 767/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019.
V/v: "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2. Ông Trần Phú Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 44 đường 3152 PTH, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 106/11B1 HH, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông, bà có hai con chung là Nguyễn Hưng, sinh ngày 13/10/2012 và Nguyễn Minh, sinh ngày 27/02/2019.

Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Từ năm 2018 đến nay, ông, bà đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà Trân xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Bà Trân yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Ông, bà không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn T là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "ly hôn". Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [1]

1.2. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn T. [2]

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2011, ngày 16/8/2011 do Uỷ ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. [3]

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trình bày của nguyên đơn cho thấy từ năm 2018 đến nay, bà H và ông Nguyễn T đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Phía ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông T đã đã bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, không rõ đi đâu, cho thấy ông T không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng [4].

Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên với nhau trong quan hệ giữa vợ chồng không còn, nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn. [5]

2.2. Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 382, quyển số 02/2012 ngày 14/11/2012 do Uỷ ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy khai sinh số 132, ngày 22/4/2019 do Uỷ ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Hưng (nam), sinh ngày 13/10/2012 và trẻ Nguyễn Minh (nam), sinh ngày 27/02/2019 là con chung của bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn T. [6]

Ông T không đến Tòa để giải quyết vấn đề con chung cho thấy ông không có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy hai trẻ hiện đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc nên Tòa án chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con của bà H. [7]

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có thể thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. [8]

Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trờ. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. [9]

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn", nên bà H phải chịu án phí là 300.000 đồng. [10]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Áp dụng Điều 2; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi hai con chưa thành niên là Nguyễn Hưng, sinh ngày 13/10/2012 và Nguyễn Minh, sinh ngày 27/02/2019. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Bà Trịnh Thị H chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0017699 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.13, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Như Nhiên